

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-3-2021  
V/v “yêu cầu không công nhận  
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre T gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Y- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về: “Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyễn đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp TA, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Bùi Thùy M, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp THA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

(Anh T, chị M yêu cầu giải quyết vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị Bùi Thùy M tự nguyện sống chung vào năm 2004 nhưng anh và chị M không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, anh và chị M sống chung tại nhà anh ở ấp TA, xã BT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu anh và chị M sống chung rất hạnh phúc, sau này anh và chị M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên không còn sống chung khoảng mấy năm. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị M, anh và chị M không thể tiếp tục sống chung. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: yêu cầu không công nhận anh và chị Bùi Thùy M là vợ chồng.

- Về con chung: anh và chị M có 02 con chung Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 19/8/20XX và Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 31/3/20XX, 02 con chung đang sống chung với anh nên anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh với chị M có tạo lập được tài sản chung nhưng anh không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Bùi Thùy M trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2004 do bận công việc và không am hiểu pháp luật nên chị và anh T không đăng ký hôn theo quy định. Thời gian đầu chị với anh T sống chung hạnh phúc, sau này thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể nào hàn gắn được nên chị với anh T không còn sống chung. Nay anh T yêu cầu không công nhận vợ chồng với chị thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 19/8/20XX và Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 31/3/20XX. Chị đồng ý giao 02 con cho anh T trực tiếp nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên T gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh T và chị M, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 9, 14, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Chị Bùi Thùy M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 210/1 ấp THA, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Anh T và chị M có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị M.

[4] Về hôn nhân:

Anh T và chị M tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu anh T và chị M sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung. Xét thấy: Anh T và chị M chung sống với nhau từ năm 2004, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Đồng thời, từ khi không còn sống chung đến nay anh T và chị M cũng không có thiện chí hàn gắn với nhau. Do đó, hôn nhân giữa anh T và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với chị M là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*2. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*

Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

[4] Về con chung: anh T và chị M có 02 con chung là Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 19/8/20XX và Nguyễn Chí Ng, sinh ngày 31/3/20XX. Thấy rằng, từ khi anh T và chị M không còn sống chung, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 04/3/2021 cả 02 cháu Huỳnh và cháu Ngh đều trình bày nguyện vọng là muốn sống chung với anh T. Đối với chị M cũng đồng ý giao cháu H và cháu Ngh cho anh T trực tiếp nuôi, do đó để không làm thay đổi môi trường sống của cháu H và cháu Ng nên cần giao 02 con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Chị Bùi Thùy M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Bùi Thùy M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Do anh T và chị M không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị M trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thùy M là vợ chồng.

2. Về con chung: anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Thị Mộng H, sinh ngày 19/8/20XX và Nguyễn Chí Ngh, sinh ngày 31/3/20XX. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bùi Thùy M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Bùi Thùy M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, anh Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Do anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thùy M không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thùy M trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005576 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân**